

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Hoàng Văn Hữu**;

Ông **Nguyễn Dũng Nhân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thái Thanh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Xuân H**, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 4, ấp Q xã Đ, huyện C, tỉnh N (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Lê Văn C**, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 4, ấp Q xã Đ, huyện C, tỉnh N (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 07/3/2022 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh C chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại xã Thanh Đông. Trước khi cưới có tìm hiểu nhau gần 01 năm và tự nguyện kết hôn. Sau khi cưới sống chung với cha mẹ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do anh C thường xuyên uống rượu về gây sự, gây gổ với chị nhiều lần; dùng lời lẽ xúc phạm chị; nặng nhẹ với chị về vấn đề tiền bạc như khi anh C đưa tiền cho chị lo cho gia đình nhưng khi say rượu thì đòi lại, chị không còn tiền trả thì nặng nhẹ với chị; anh C cũng có đánh chị vài lần khi mới

chung sống. Mỗi lần anh C đánh chị thì chị về nhà mẹ ruột ở, anh C năn nỉ thì chị về chung sống nhưng anh C vẫn không thay đổi. Cách đây 05 năm thì vợ chồng về sống ở nhà mẹ ruột chị nhưng vợ chồng vẫn không hạnh phúc. Anh chị đã ly thân hơn 01 năm nay không đoàn tụ được, lần này anh C không năn nỉ chị về nữa, vợ chồng cũng không liên lạc với nhau. Trước đây, chị có nộp đơn ly hôn 01 lần nhưng anh C không cho làm việc với 02 con lớn nên chị rút đơn. Lần này khi làm đơn lại chị có báo với anh C biết nhưng anh C nói chị muốn làm gì thì tự đến Tòa làm chứ anh không ký, không đến Tòa, không cho đưa con đến Tòa lấy lời khai. Vợ chồng chị mâu thuẫn thì cha mẹ hai bên đều biết nhưng không có ý kiến gì mà để anh chị tự quyết định. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Lê Thị Kiều L, sinh ngày 14/02/2012, Lê Văn C, sinh ngày 30/10/2013 và Lê Thành C1, sinh ngày 04/12/2020 đều đang sống với anh C. Nay chị đồng ý giao 03 con chung cho anh C nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn C vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh C.

+ Về con chung: Giao 03 con chung cho anh C nuôi dưỡng; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị H và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh C vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh C.

[2] Về hôn nhân: Chị H khai nhận anh chị chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn chị H cung cấp.

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, chị H khai nhận trong quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn, anh C thường xuyên uống rượu về gây gổ với chị, dùng lời lẽ xúc phạm chị, có đánh chị, chị đã nộp đơn ly hôn một lần nhưng anh C không hợp tác làm việc nên chị rút đơn. Sau khi rút đơn anh C vẫn không sửa đổi, anh chị đã ly thân 01 năm nay không đoàn tụ được. Nay chị không còn tình cảm với anh C nên cương quyết ly hôn. Anh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không có lời trình bày. Qua kết quả xác minh tại địa phương thể hiện chị H có bỏ nhà đi vài lần như chị H trình bày. Căn cứ Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số 194/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh có đủ căn cứ xác định lời trình bày của chị H là có căn cứ. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Lê Thị Kiều L, sinh ngày 14/02/2012, Lê Văn C, sinh ngày 30/10/2013 và Lê Thành C1, sinh ngày 04/12/2020 đều đang sống với anh C. Nay chị H đồng ý giao cả 03 con chung cho anh C nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, chị không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, cần giao 03 con chung cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân H đối với anh Lê Văn C. Chị Nguyễn Thị Xuân H được ly hôn với anh Lê Văn C.

2- Về con chung: Giao cho anh Lê Văn C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 03 con chung tên Lê Thị Kiều L, sinh ngày 14/02/2012, Lê Văn C, sinh ngày 30/10/2013 và Lê Thành C1, sinh ngày 04/12/2020. Chị Nguyễn Thị Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007166 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Nguyễn Thị Xuân H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung